

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **256/2018/HS-PT**
Ngày 13/8/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hữu

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Tấn Đức

2. Ông Trương Công Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Đức - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 219/2018/HSPT ngày 02/7/2018 đối với bị cáo Trần Thị Phương L phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2018/HSST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Phương L**, sinh năm 1983, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Quán lý nhà nghỉ trọ; dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Chí D – sinh năm 1962 và bà Trần Thị S – sinh năm 1960, bị cáo có chồng là Nguyễn Văn D và có 04 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo phạm tội bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 11/10/2017 đến ngày 14/10/2017 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú sau đó bỏ trốn.

Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã ngày 02/4/2018 và bị tạm giữ từ ngày 02/4/2018 đến ngày 04/4/2018, bị tạm giam từ ngày 05/4/2018 đến nay, hiện đang giam - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Phương L được chị Nguyễn Thị Thanh D là chủ nhà nghỉ trọ C, tổ dân phố B, phường A, thị xã B thuê làm việc quét dọn, lau, giặt chăn, mền và quản lý cho thuê, thu tiền phòng trọ khi chị D đi vắng. Vì hám lợi nên vào những lúc chị D giao cho L quản lý cho thuê phòng trọ, khi có khách đến thuê phòng trọ có nhu cầu mua dâm thì L đồng ý và gọi gái bán dâm đến nhà nghỉ trọ do mình được giao quản lý dùng làm địa điểm để thực hiện việc mua bán dâm thu lợi bất chính. Trong ngày 11/10/2017 L đã hai lần cho thuê phòng trọ do mình được giao quản lý làm địa điểm mua bán dâm, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 11/10/2017 chị D chủ nhà nghỉ trọ về nhà và giao cho L quản lý cho thuê phòng trọ. Trong thời điểm này có một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đến thuê phòng và có nhu cầu mua dâm, nên đặt vấn đề với L gọi gái mại dâm đến bán dâm cho người đàn ông này, L đồng ý và hai bên thỏa thuận tiền thuê phòng và tiền mua dâm là 250.000 đồng (tiền thuê phòng 50.000 đồng và tiền mua dâm 200.000 đồng), rồi người đàn ông này đưa cho L tiền thuê phòng 50.000 đồng và L nói người này vào phòng số A1 chờ. Sau đó L gọi điện thoại di động cho P là gái bán dâm đến bán dâm cho người đàn ông này (do P nhiều lần đến nhà nghỉ trọ của L bán dâm cho khách nên L có quen biết trước), được P đồng ý. Một lúc sau P đi đến thì L đưa cho P 01 bao cao su chưa qua sử dụng và nói đi vào phòng số A1 để bán dâm cho khách. Sau khi thực hiện xong việc mua, bán dâm thì người đàn ông đưa cho P 200.000 đồng, số tiền này P đưa cho L 50.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày chị D chủ nhà trọ đến thì L đưa cho chị D 50.000 đồng tiền người đàn ông thuê phòng, sau đó chị D ở lại nhà nghỉ trọ đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì đi về nhà và giao nhà nghỉ trọ cho L quản lý cho thuê.

Lần thứ hai: Vào khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, trong lúc chị D chủ nhà trọ đi về nhà, giao cho L quản lý cho thuê phòng trọ. Thời điểm này anh Nguyễn Quang B có nhu cầu mua dâm nên đi đến ngã ba trung tâm thị xã B hỏi những người chạy xe ôm có chỗ nào bán dâm không thì được một người tên Q (không rõ nhân thân, lai lịch) cho số điện thoại để anh B tự liên hệ việc mua dâm. Sau khi có số điện thoại anh B gọi điện thoại thì gặp L và hỏi L có gái bán dâm không, thì L nói có và báo anh B xuống nhà nghỉ trọ số C thực hiện việc mua dâm. Như đã hẹn, vào khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, anh B đến nhà nghỉ trọ theo sự chỉ dẫn của L. Tại đây anh B gặp L và thỏa thuận số tiền mua dâm và thuê phòng là 550.000 đồng (tiền mua dâm 500.000 đồng L được hưởng 200.000 đồng còn người bán dâm được 300.000 đồng, tiền thuê phòng 50.000 đồng), anh B đồng ý rồi đưa cho L số tiền 550.000 đồng và L chỉ cho anh B vào phòng số A2 chờ, sau đó L gọi điện thoại cho P đến bán dâm cho anh B, P đồng ý và đi đến thì L nói đã thu tiền mua dâm của khách và đưa cho P 01 bao cao su

chưa qua sử dụng và nói đi vào phòng A2 để bán dâm cho anh B. Khi anh B và chị P đang thực hiện việc mua bán dâm tại phòng số A2 thì bị Công an thị xã B phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại bản án số: 20/2018/HSST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Phương L 05 (năm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/4/2018, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ trước đó từ ngày 11/10/2017 đến ngày 14/10/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/6/2018, bị cáo Trần Thị Phương L kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh đối với bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận: Vào lúc 11 giờ ngày 11/10/2017 bà Nguyễn Thị Thanh D, chủ nhà trọ C, Tổ dân phố B, phường A, thị xã B đi vắng và giao cho bị cáo quản lý phòng trọ C. Lúc này có một người đàn ông bị cáo không biết tên đến hỏi mua dâm thì bị cáo nói giá một lần mua dâm giá 250.000 đồng thì người đàn ông đồng ý và bị cáo nói vào phòng A1 đợi, sau đó bị cáo gọi P đến bán dâm cho khách. Khi P đến thì bị cáo đưa bao cao su cho P để thực hiện mua bán dâm với khách. Đến 16 giờ cùng ngày có anh Nguyễn Quang B hỏi mua dâm thì bị cáo đồng ý và nói giá 550.000 đồng rồi nói anh B đến đợi tại phòng A2, bị cáo gọi điện thoại cho P đến và đưa bao cao su cho P để vào phòng bán dâm cho khách. Trong quá trình P và anh B đang mua bán dâm thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Bị cáo không đồng ý với việc bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù về tội chứa mại dâm bởi bản thân bị cáo chỉ là người làm thuê và khi chị D (chủ nhà trọ) đi vắng thì giao cho bị cáo quản lý nhà trọ. Khi có khách đến hỏi mua dâm thì bị cáo có gọi điện thoại cho gái bán dâm đến phòng trọ để bán dâm cho khách có nhu cầu mua dâm. Bản thân bị cáo làm việc tại nhà trọ là theo sự chỉ bảo của chị D, nếu không làm thì bị nghỉ việc. Bị cáo cho rằng mình phạm tội môi giới mại dâm chứ không chứa mại dâm như cáo trạng và bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo. Nên bị cáo kháng

cáo đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điều luật đối với bị cáo đúng với hành vi của bị cáo và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Phương L và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mặc dù, quá trình điều tra và tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo đều thừa nhận được bà Nguyễn Thị Thanh D chủ nhà trọ C giao quản lý phòng trọ, khi có khách đến mua dâm thì bị cáo đã sắp xếp, bố trí phòng và gọi gái bán dâm đến để bán dâm cho khách. Trong ngày 11/10/2017 bị cáo đã 02 lần cho khách mua dâm và gái bán dâm thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số A1 và A2 của nhà trọ C. Nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015. Do đó, bị cáo cho rằng mình chỉ phạm tội môi giới mại dâm là không có căn cứ. Như vậy, Mức hình phạt 05 năm tù mà tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Nên kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt. Xử phạt bị cáo 5 năm tù về tội chứa mại dâm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Thị Phương L thừa nhận bị cáo là người làm thuê và quản lý nhà trọ C khi chủ nhà trọ là bà Nguyễn Thị Thanh D đi vắng. Vào lúc 11 giờ ngày 11/10/2017 khi có khách đến hỏi mua dâm thì bị cáo đồng ý và gọi P đến phòng số A1 nhà trọ C để bán dâm cho khách và khoảng 16 giờ chiều cùng ngày anh Nguyễn Quang B hỏi mua dâm với gái bán dâm thì bị cáo cũng đồng ý và nói giá mua dâm là 550.000 đồng . Sau đó bị cáo gọi P đến bán dâm cho khách tại phòng A2, trong khi P và khách đang mua dâm thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay và lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm cơ bản phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với hành vi của bị cáo.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo là người làm thuê cho bà Nguyễn Thị Thanh D, được bà D giao cho quản lý nhà trọ C và thu tiền khách đến ở trọ trong lúc bà D đi vắng. Vào khoảng 11 giờ ngày 11/10/2017 khi có người đến hỏi mua dâm thì bị cáo đồng ý và gọi gái bán dâm đến phòng trọ mình quản lý để bán dâm cho khách. Bị cáo đã nhận tiền, sắp xếp phòng ngủ và bao cao su để cho khách mua dâm và gái bán dâm quan hệ tình dục nhằm thu lợi bất chính.

Đến khoảng 16 giờ chiều cùng ngày anh Nguyễn Quang B có nhu cầu mua dâm với gái bán dâm nên gọi điện thoại cho L hỏi mua dâm và thỏa thuận giá mua dâm thì L đồng ý và nói với anh B là 550.000 đồng. Sau đó L sắp xếp, bố trí phòng và nói anh B đến phòng số A2 đợi, đồng thời L gọi điện thoại cho P đến để bán dâm cho khách. Trong khi P và anh B đang mua bán dâm thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội chứa mại dâm với tình tiết định khung “phạm tội nhiều lần” nên việc bị cáo cho rằng bị cáo chỉ phạm tội “môi giới mại dâm” là không có căn cứ. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội chứa mại dâm theo điểm c, khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức hình phạt 05(năm) năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ: Bị cáo khi phạm tội đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Khi bị bắt thì bị cáo đã tự thú khai nhận hành vi phạm tội trước đó, đồng thời bị cáo chỉ là người làm thuê, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ nhưng do vì háms lợi đã phạm tội. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Về điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 11/10/2017 tại thời điểm Bộ luật hình sự 1999 đang có hiệu lực pháp luật, nên phải áp dụng các quy định tại Điều 254 Bộ luật hình sự 1999 để xét xử đối với hành vi của bị cáo và áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội được quy định tại Bộ luật hình sự 2015. Nhưng bản án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội và áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 mà không áp dụng khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự 1999, đồng thời tại phần Quyết định của bản án Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên bố bị cáo phạm tội gì mà chỉ xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù là vi phạm quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 260 BLTTHS 2015; vi phạm này của cấp sơ thẩm là nghiêm trọng. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa nội dung và điều luật áp dụng cho phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí: Do chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên bị cáo Trần Thị Phương L không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Phương L. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2018/HSST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Về hình phạt

- Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS;
- Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 254, điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Phương L phạm tội “Chứa mại dâm”.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thị Phương L 04 (Bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/4/2018, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ trước đó từ ngày 11/10/2017 đến ngày 14/10/2017.

[2] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Phương L không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục T.H.A.DS thị xã B;
- Công an thị xã Buôn Hồ
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Hữu